

Số: 123/BCTN-CC



Hải Phòng, ngày 01 tháng 03 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Thường niên năm 2021**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

#### **I. Thông tin chung**

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG**
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200576055 đăng ký thay đổi lần thứ 5: ngày 11/04/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.
  - Vốn điều lệ: **24.000.000.000 VNĐ**
  - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **24.000.000.000 VNĐ**
  - Địa chỉ: Số 2 Đường Ngô Quyền - P. Máy chài - Q. Ngô quyền - TP Hải Phòng
  - Số điện thoại: 0225.3837393
  - Số fax: 0225.3837393
  - Website: [www.cuacampport.com.vn](http://www.cuacampport.com.vn)
  - Mã cổ phiếu: CCP
  - Quá trình hình thành và phát triển: Công ty cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng (“gọi tắt là Công ty”) được cổ phần hoá từ Xí nghiệp Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng theo Quyết định số 17/QĐ/UB ngày 06 tháng 01 năm 2004 của UBND thành phố Hải Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200576055 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11/04/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.
  - Công ty là thành viên sáng lập của Hiệp hội Cảng biển Việt Nam
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ cảng biển: Bốc xếp, kho bãi, giao nhận, dịch vụ cho tàu biển.
  - Địa bàn kinh doanh: Tại Hải Phòng

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
  - Đại Hội đồng cổ đông;
  - Hội đồng quản trị;
  - Ban kiểm soát;
  - Giám đốc điều hành;
  - Các phòng, ban, tổ, đội trong công ty.
  - Tổng số lao động bình quân là 71 người gồm 5 Phòng, Ban, Đội. Cụ thể:
    - Phòng Tổ chức Hành chính - Bảo vệ
    - Phòng Kế toán - Tài chính
    - Phòng Kế hoạch - Kinh doanh
    - Phòng Kỹ thuật - Đầu tư
    - Ban Kho hàng - Giao nhận
    - Các công ty con, công ty liên kết: không có
4. Định hướng phát triển: Hiện tại do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên Công ty chưa có định hướng cụ thể nào cho hoạt động SXKD trong những năm tới.
5. Các rủi ro: Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên hoạt động SXKD của công ty gặp rất nhiều khó khăn, lượng hàng qua cảng giảm nhiều so với những năm trước.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động SXKD năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2021	TH năm 2021	%TH2021 /KH2021
1	Sản lượng bốc xếp hàng hóa	1000.Tấn	70,5	27,20	38,6
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	66,750	66,859	100,2
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	-3,994	-3,250	-81,4
4	Nộp ngân sách	Tr.đ	1,100	880	80
5	Lao động bình quân	Người	71	71	100
6	Thu nhập bình quân	Đồng/tháng	5,390,000	4,910,000	91,1
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	0	0	0

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành, Kế toán trưởng:

- Giám đốc: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Sinh năm 1972

- Trình độ : Cử nhân Kinh tế
  - Số cổ phần sở hữu :600 CP
  - Là đồng Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex tại Công ty
  - Phó Giám đốc: Ông Nguyễn Cảnh Thăng - Sinh năm 1972
  - Trình độ: Kỹ sư Vô tuyến điện, Cử nhân Kinh tế Ngoại thương, Cử nhân Ngoại ngữ (Tiếng Anh)
  - Số cổ phần sở hữu: 5.500 CP
  - Kế toán trưởng: Bà Lê Thị Vân Anh - Sinh năm 1969
  - Trình độ : Cử nhân Kế toán Thương mại Dịch vụ, Cử nhân Kinh tế Ngoại thương
  - Số cổ phần sở hữu: 10.000 CP
  - Là đồng Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex tại Công ty
- b) *Những thay đổi trong Ban điều hành:* Không
- c) *Số lượng cán bộ, nhân viên:* Số lượng lao động bình quân: 71 người
- Chính sách đối với người lao động: Được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước: Hợp đồng lao động, BHXH, BHYT, BHTN, nghỉ hưu, nghỉ việc, nghỉ phép...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) *Các khoản đầu tư lớn:* Trong năm 2021 Công ty không có những khoản đầu tư lớn.
- b) *Các công ty con, công ty liên kết:* Không có

4. Tình hình tài chính

- a) *Tình hình tài chính*

Chỉ tiêu	Năm 2020 (VNĐ)	Năm 2021 (VNĐ)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	46.043.830.198	36.474.736.266	-20,8
Doanh thu thuần	112.217.017.633	65.721.289.679	-41,4
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.730.411	(3.251.436.267)	-114,17
Lợi nhuận khác	9.381.819	1.219.376	-87,0
Lợi nhuận trước thuế	38.112.230	(3.250.216.891)	-86,28
Lợi nhuận sau thuế	23.770.038	(3.250.216.891)	-137,74
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0



b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,53	3,88	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2,53	3,88	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,28	0,18	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,39	0,23	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	18,080	14,325	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,44	1,80	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,0002	-	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,001	-	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,001	-	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,0003	-	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 2.400.000 CP
- Mệnh giá: 10.000 đ/CP
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông

b) Cơ cấu cổ đông:

\* Cổ đông trong nước:

- Cổ đông tổ chức
- + Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex: 1.534.000 CP chiếm 63,92% VDL
- Cổ đông cá nhân: 866.000 CP chiếm 36,08% VDL

( Trong cơ cấu cổ đông cá nhân có 01 cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty )

\* Cổ đông nước ngoài: Không có

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không

e) *Các chứng khoán khác:* Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. *Quản lý nguồn nguyên vật liệu:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

6.2. *Tiêu thụ năng lượng:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 150.500 kwh điện/năm

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

6.3. *Tiêu thụ nước:*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nguồn cung cấp nước do công ty cấp nước thành phố Hải Phòng cấp. Lượng nước sử dụng trong năm là: 1.052 m<sup>3</sup>

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động:*

a) Số người lao động: 71 người, thu nhập bình quân: 4.910.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Đảm bảo 100% CNLĐ được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước: Hợp đồng lao động, BHXH, BHYT, BHTN, nghỉ hưu, nghỉ việc, nghỉ phép... CNLĐ ốm đau, khó khăn được thăm hỏi, trợ cấp. Điều kiện làm việc luôn được cải thiện, thực hiện tốt an toàn lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Huấn luyện ATLĐVS hàng năm cho đối tượng người lao động.

6.6. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:*

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có

6.7. *Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:* Không có



### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động SXKD năm 2021 của Công ty:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2021	TH năm 2021	%TH2020/ KH2020
1	Sản lượng bốc xếp hàng hóa	1.000 Tấn	70,5	27,20	38,6
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	66,750	66,859	100,2
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	-3.994	-3,250	-81,4
4	Nộp ngân sách	Tr.đ	1,100	880	80
5	Lao động bình quân	Người	71	71	100
6	Thu nhập bình quân	Đồng/tháng	5,390,000	4,910,000	91,1
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	0	0	0

#### 2. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài sản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	So sánh (%)
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>32.992.953.671</b>	<b>26.127.725.861</b>	<b>79.2</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	6.153.627.972	1.468.427.830	23.9
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.500.000.000	18.500.000.000	100
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	8.271.625.607	6.154.669.183	74.4
4	Hàng tồn kho	6.020.000	4.598.848	76.4
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>13.050.876.527</b>	<b>10.347.010.405</b>	<b>79.3</b>
1	Tài sản cố định	11.045.315.067	9.140.137.743	82.8
2	Tài sản dở dang dài hạn	311.636.364	311.636.364	100
3	Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0
4	Tài sản dài hạn khác	1.693.925.096	895.236.298	52.9
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>46.043.830.198</b>	<b>36.474.736.266</b>	<b>79.2</b>

b) Tình hình nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	So sánh (%)
<b>I</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>13.021.588.521</b>	<b>6.726.481.518</b>	<b>51.7</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	11.899.849.801	5.390.099.661	45.3
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.825.754	6.129.528	89.9
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15.691.039	11.719.640	74.7
4	Phải trả người lao động	254.628.000	503.370.279	197.7
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	243.406.209	278.135.956	114.3
6	Phải trả ngắn hạn khác	187.986.584	224.954.282	119.7
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	411.201.134	310.072.172	75.4
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>2.000.000</b>	<b>2.000.000</b>	<b>100</b>
1	Phải trả dài hạn khác	2.000.000	2.000.000	100

- Nợ xấu phải thu: Không có
- Tài sản xấu ảnh hưởng đến hoạt động SXKD: Không có

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Chính sách và công tác quản lý của Công ty dựa trên các quy định của pháp luật hiện hành vận dụng vào điều kiện thực tiễn của đơn vị.

- Phổ biến, quán triệt tuyên truyền và thực hiện nghiêm túc các quy định về Pháp chế thanh tra theo đúng pháp luật.

- Công tác quản lý kỹ thuật được nâng lên, đảm bảo an toàn trong khai thác, sử dụng thiết bị, công cụ, dụng cụ luôn đáp ứng được yêu cầu của sản xuất và tiết giảm chi phí sửa chữa.

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a) *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải):*

- Đẩy mạnh hoạt động tiết kiệm nguồn tài nguyên, năng lượng.

b) *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:*

- Đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đến toàn thể CBCVN công ty, xây dựng ý thức thực hiện thường xuyên sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường.



c) *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:*

- Thực hiện đầy đủ và phù hợp các yêu cầu pháp luật của Nhà nước quy định.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2021, tiếp tục là một năm rất khó khăn của Công ty do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, với sự chỉ đạo sâu sát của HĐQT, Công ty đã hoàn thành kế hoạch ĐHCĐ giao, thực hiện tốt công tác an ninh, quốc phòng, làm tốt công tác từ thiện xã hội, kiểm soát tốt chi phí và hạch toán kế toán đúng theo quy định của pháp luật.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Năm 2021 trên cơ sở kế hoạch SXKD HĐQT giao, Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực rất nhiều trong việc điều hành SXKD. Quá trình điều hành, Giám đốc đã tuân thủ đúng các quy định pháp luật, thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHCĐ và các quyết định của HĐQT. Ban lãnh đạo đã đề ra các chương trình, giải pháp và quyết định phù hợp với tình hình thực tế của thị trường, của Công ty. Từng thành viên trong Ban Giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

\* Hội đồng quản trị Công ty xây dựng định hướng mục tiêu kinh doanh năm 2022, gồm các chỉ tiêu sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022
1	Sản lượng bốc xếp hàng hóa	1000.Tấn	50
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	66,500
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	-3,500
4	Nộp ngân sách	Tr.đồng	900
5	Lao động bình quân	Người	70
6	Thu nhập bình quân	Đồng/tháng	5,475,000
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	0

\* Về đầu tư phát triển sản xuất: Dự kiến không có đầu tư gì lớn.

**V. Quản trị công ty:** Công ty không niêm yết nên không công bố thông tin này.

#### **VI. Báo cáo tài chính**

1. Ý kiến kiểm toán viên: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với



chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (theo phương pháp gián tiếp); Bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban CKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu VT; TKHĐQT.

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty**



GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Mạnh Cường*